

Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk
Chương 405

PHỤ LỤC

KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày / 10 /2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Tiết kiệm 10%	Dự toán còn được sử dụng	Tiết kiệm 10% theo NQ 135	Dự toán còn sau khi tiết kiệm 10% theo NQ 135 ngày 22/5/2026	Tiết kiệm 5% để thực hiện KL 18-KL/TW ngày 02/4/2026	Dự toán còn lại được sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)=3*10 %	(5)=3-4	(6)=5*1 0%	(7)=5-6	(8)=7*5%	(9)=7-8
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	105.806	5.457	100.349	4.033	96.316	784	95.532
I	Văn phòng UBND tỉnh	83.041	4.785	78.256	3.557	74.699	576	74.123
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	73.716	3.899	69.817	3.509	66.308	576	65.732
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	36.431	696	35.735	626	35.109	141	34.968
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	37.285	3.203	34.082	2.883	31.199	435	30.764
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)	983	52	931	48	883	0	883
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	983	52	931	48	883	0	883
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100, khoản 121)	8.342	834	7.508	0	7.508	0	7.508
II	Đảng ủy UBND tỉnh Đắk Lắk	16.184	588	15.596	401	15.195	173	15.022
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 351)	16.184	588	15.596	401	15.195	173	15.022
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.457	206	10.251	186	10.065	88	9.977
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.727	382	5.345	215	5.130	85	5.045
III	Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk	6.581	84	6.497	75	6.422	35	6.387
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280-314)	3.554	64	3.490	57	3.433	26	3.407
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.554	64	3.490	57	3.433	26	3.407
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.027	20	3.007	18	2.989	9	2.980

